



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN GIA LÂM

**KẾT QUẢ THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CẤP TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2019-2020**

STT	Họ và tên	Đơn vị TH	Dạy lớp	Điểm LT	Điểm TB	Ghi chú
1	Trần Thị Quyết	TH Yên Thường	Toán 3	9.75	19,0	Nhất
2	Lưu Thị Thu Nguyên	TH Dương Quang	Toán 3	9.75	18,9	Nhì
3	Nguyễn Thị Lan	TH Cao Bá Quát	Toán 3	8	18.8	Ba
4	Nguyễn Tuyết Nhung	TH Đình Xuyên	Toán 3	8	18.6	
5	Nguyễn Thị Uyên	TH Nông Nghiệp	Toán 3	9.75	18.4	
6	Vũ Thị Phong Lan	TH Lê Ngọc Hân	Toán 3	8.25	18.4	
7	Nguyễn Thị Thu Hiền	TH Văn Đức	Toán 3	8.75	18.3	
8	Nguyễn Thu Huyền	TH Lê Chi	Toán 3	8.5	18.3	
9	Phạm Thị Chang	TH Dương Hà	Toán 3	9.5	18.3	
10	Bùi Thị Bích Phương	TH Kim Sơn	Toán 3	9.25	18.1	
11	Lâm Thị Anh	TH Ninh Hiệp	Toán 3	8	18.1	
12	Nguyễn Thị Hoa	TH Trung Thành	Tiếng Việt 3	9	19.0	Nhất
13	Bùi Thị Bích Ngọc	TH Cổ Bi	Tiếng Việt 3	9.5	19.0	Nhì
14	Đoàn Thị Hảo	TH Yên Thường	Tiếng Việt 3	9	18.8	Ba
15	Hứa Thị Xinh	TH TT Trâu Quỳ	Tiếng Việt 3	9	18.5	
16	Đoàn Thị Thanh Hoài	TH Quang Trung	Tiếng Việt 3	8.5	18.5	
17	Nguyễn Phương Liên	TH Đa tón	Tiếng Việt 3	9.75	18.4	
18	Đỗ Thị Thùy Thanh	TH Phú Thị	Tiếng Việt 3	9.5	18.4	
19	Nguyễn Thu Trang	TH Dương Xá	Tiếng Việt 3	9	18.3	
20	Đinh Thị Thu Hương	TH TT Yên Viên	Tiếng Việt 3	9.75	18.3	
21	Nguyễn Thành Luân	TH Yên Viên	Tiếng Việt 3	9	18.2	
22	Nguyễn Thị Hoa Nhung	TH Kiều Kỵ	Tiếng Việt 3	9.5	18.2	
23	Đỗ Thị Hải Yến	TH Tiên Phong	Tiếng Việt 3	9	18.2	
24	Vương Thị Hiền	TH Phù Đổng	Tiếng Việt 3	9.5	18.0	
25	Phạm Thu Hằng	TH Đặng Xá	Tiếng Việt 3	9.5	18.0	
26	Nguyễn Thị Bích Thủy	TH Trung Mậu	Tiếng Việt 3	9.5	18.0	
KẾT QUẢ KHỐI 1 - 2						
1	Nguyễn Thị Phương Lan	TH TT Trâu Quỳ	Tiếng Việt 1	9	19.1	Nhất
2	Chu Bích Hường	TH Yên Viên	Tiếng Việt 1	9.75	19.0	Nhì
3	Trần Thị Hải	TH Lê Chi	Tiếng Việt 1	9	18.8	Ba
4	Bùi Thanh Hảo	TH Đặng Xá	Tiếng Việt 1	9	18.8	Ba
5	Lý Thị thơ	TH Lê Ngọc Hân	Tiếng Việt 2	9.5	18.6	
6	Phùng Hải Yến	TH Bát Tràng	Tiếng Việt 1	9.5	18.6	
7	Nguyễn Thị Hằng	TH Văn Đức	Tiếng Việt 2	9.25	18.5	
8	Nguyễn Thị Thanh Xuân	TH Đình Xuyên	Tiếng Việt 1	9	18.5	
9	Nguyễn Thị Hồng	TH Nông Nghiệp	Tiếng Việt 1	8.25	18.5	
10	Nguyễn Thị Thúy Hồng	TH Dương Hà	Tiếng Việt 1	9.25	18.5	
11	Vũ Thị Thu Phương	TH Kim Sơn	Tiếng Việt 1	8.75	18.4	
12	Đào Thị Luyến	TH Văn Đức	Tiếng Việt 1	9.5	18.4	
13	Nguyễn Thị Vân	TH Dương Xá	Tiếng Việt 2	9.75	18.3	
14	Nguyễn Thị Hương	TH Cao Bá Quát	Tiếng Việt 2	9.5	18.3	
15	Nguyễn Thị Xuyên	TH Kiều Kỵ	Tiếng Việt 1	9	18.2	
16	Nguyễn Thị Thanh Tâm	TH Dương Quang	Tiếng Việt 1	9	18.1	

17	Lê Thị Thùy Linh	TH Ninh Hiệp	Tiếng Việt 1	8.75	18	
18	Vũ Thu Phương	TH Đông Dư	Toán 2	9.75	19,1	Nhất
19	Đỗ Thị Hồng	TH Bát Tràng	Toán 2	9.5	19	Nhì
20	Phạm Hồng Mai	TH Tiên Phong	Toán 1	8.5	18,8	Ba
21	Nguyễn Thị Sao Mai	TH TT Trâu Quỳ	Toán 2	8.75	18,8	Ba
22	Phạm Thu Hiền	TH Tiên Phong	Toán 2	9.75	18.5	
23	Lê Thị Hòa	TH TT Yên Viên	Toán 1	9.5	18.5	
24	Vũ Thanh Yên	TH Cao Bá Quát	Toán 2	9	18.5	
25	Đinh Thị Hải Yên	TH Kiều Kỵ	Toán 2	9	18.5	
26	Vũ Hoài Thu	TH Trung Thành	Toán 2	9.75	18.4	
27	Dương Thị Hiền	TH Phú Thị	Toán 1	8	18.4	
28	Đỗ Thị Bích Ngọc	TH Dương Xá	Toán 1	9.25	18.3	
29	Nguyễn Thị Thơm	TH Đa Tốn	Toán 2	9.75	18.2	
30	Ngô Thị Tiến	TH Đa Tốn	Toán 1	8.25	18.2	
31	Ngô Thị Nga	TH Đặng Xá	Toán 1	7	18.2	
32	Nguyễn Thị Hạnh	TH Phù Đổng	Toán 1	9.5	18.1	
33	Tổng Thị Ngọc Loan	TH Yên Viên	Toán 1	9.5	18.1	
34	Đào Thị Phương	TH Kim Lan	Toán 2	9.5	18.1	
35	Lã Thu Trang	TH Bát Tràng	Toán 1	9	18.1	
36	Phạm Thị Thu Hoài	TH Cổ Bi	Toán 2	9	18.1	
37	Nguyễn Thị Mai Anh	TH Dương Quang	Toán 1	8.5	18.1	
MÔN ÂM NHẠC						
1	Nguyễn Thị Thu Trang	TH Cao Bá Quát	Âm Nhạc	9.5	19	Nhất
2	Nguyễn Ngọc Thủy	TH Bát Tràng	Âm Nhạc	8.5	18,6	
3	Nguyễn Thu Phương	TH Quang Trung	Âm Nhạc	9	18.5	
4	Đào Phương Thảo	TH Lê Ngọc Hân	Âm Nhạc	9	18.5	
5	Đinh Quỳnh Anh	TH Trung Mầu	Âm Nhạc	8,5	18	
6	Phạm Thủy Linh	TH Phù Đổng	Âm Nhạc	8	18.0	
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO						
1	Phạm Thị Ngọc Lan	TH Dương Hà	Trải nghiệm		19.1	Nhất
2	Phùng Thị Bích Liên	TH Cao Bá Quát	Trải nghiệm		19	Nhì
3	Nguyễn Thị Tuyết	TH Lê Ngọc Hân	CD sáng tạo		18.8	Ba
4	Chu Thị Hằng	TH Văn Đức	Trải nghiệm		18.8	Ba
5	Dương Thúy Vân	TH Ninh Hiệp	CD sáng tạo		18.6	
6	Nguyễn Thu Hiền	TH Đông Dư	CD sáng tạo		18.5	
7	Trần Thị Ngọc Diệp	TH Đa Tốn	Trải nghiệm		18.33	
8	Nguyễn Thị Thu Hằng	TH Bát Tràng	CD sáng tạo		18.3	
9	Nguyễn Thị Hằng	TH Phú Thị	Trải nghiệm		18.25	
10	Nguyễn thị Thu Hằng	TH Quang Trung	Trải nghiệm		18.25	
11	Nguyễn Thị Hằng	TH Phú Thị	CD sáng tạo		18.2	
12	Đỗ Thị Vũ Uyên	TH Kim Lan	CD sáng tạo		18.1	

Chú ý: Các trường chưa thi CDTNST sang năm học 2020-2021 tiếp tục thi.

